Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1211.30.00

Mã HS	1211.30.00
Mô tả hàng hóa	Các loại cây và các bộ phận của cây (kể cả hạt và quả), chủ yếu dùng làm nước hoa, làm dược phẩm hoặc thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm hoặc các mục đích tương tự, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa cắt, nghiền hoặc xay thành bột / - Lá coca
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 11:55:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/12113000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1722
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1722
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1722
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ1722
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA	0	0%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP1722
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	0	0%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS1722

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1708
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1709
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1709
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1709
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1709
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1709
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1709
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E1711
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1711

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1711
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1711
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1711
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1711
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E1713
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F1713
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1713
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1713
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1713
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1713
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1715
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1711
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1711
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1711
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1711
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1711
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1711
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1711
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1709
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1709
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1709
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1709
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1709
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1709
VCFTA	2022	2022	0	VC!D1722
VCFTA	2023	2023	0	VC!E1722

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F1722
VCFTA	2025	2025	0	VC!G1722
VCFTA	2026	2026	0	VC!H1722
VCFTA	2027	2027	0	VC!I1722
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1719
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1719
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1719
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1719
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1719
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1719
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D1727
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E1727
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F1727
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G1727
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H1727
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1727
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D1710
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E1710
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F1710
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G1710
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H1710
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I1710
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D1712
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E1712
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F1712
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G1712

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H1712
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I1712
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D1710
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E1710
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1710
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1710
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1710
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1710
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1710
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D1713
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E1713
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F1713
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G1713
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H1713
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I1713
RCEP B	2022	2022	0	B!D1713
RCEP B	2023	2023	0	B!E1713
RCEP B	2024	2024	0	B!F1713
RCEP B	2025	2025	0	B!G1713
RCEP B	2026	2026	0	B!H1713
RCEP B	2027	2027	0	B!I1713
RCEP C	2022	2022	0	C!D1713
RCEP C	2023	2023	0	C!E1713
RCEP C	2024	2024	0	C!F1713
RCEP C	2025	2025	0	C!G1713
RCEP C	2026	2026	0	C!H1713

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I1713
RCEP D	2022	2022	0	D!D1713
RCEP D	2023	2023	0	D!E1713
RCEP D	2024	2024	0	D!F1713
RCEP D	2025	2025	0	D!G1713
RCEP D	2026	2026	0	D!H1713
RCEP D	2027	2027	0	D!I1713
RCEP E	2022	2022	0	E!D1715
RCEP E	2023	2023	0	E!E1715
RCEP E	2024	2024	0	E!F1715
RCEP E	2025	2025	0	E!G1715
RCEP E	2026	2026	0	E!H1715
RCEP E	2027	2027	0	E!I1715
RCEP F	2022	2022	0	F!D1713
RCEP F	2023	2023	0	F!E1713
RCEP F	2024	2024	0	F!F1713
RCEP F	2025	2025	0	F!G1713
RCEP F	2026	2026	0	F!H1713
RCEP F	2027	2027	0	F!I1713
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F1617
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G1617
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H1617
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I1617

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi "*/5/8/10".		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1211.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 1211.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1722), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.